|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH TRÀ VINH**  Số: /TTr-UBND  **(DỰ THẢO)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­ *Trà Vinh, ngày tháng năm 2021* |

**TỜ TRÌNH**

**Ban hành Nghị quyết quy định các loại phí**

**thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ Họp thứ …

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí, lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số ……../…../NĐ-CP ngày …… tháng … năm …….. của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số ……../…../TT-BTNMT ngày …… tháng … năm …….. của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

**1. Tổng quan về Nghị quyết:**

Nghị quyết Ban hành quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh quy định **04 loại phí**, bao gồm:

*- Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị thu, nộp và quản lý sử dụng* ***03*** *loại phí là:* **Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp tỉnh.**

*- Phòng Tài nguyên và Môi trường là đơn vị thu, nộp và quản lý sử dụng* ***01*** *loại phí là:* **Phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp huyện.**

**2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:**

Theo Khoản 3 Điều 45 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật”.*

Theo điểm a khoản 4 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện*”.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết Ban hành Nghị quyết quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đểđảm bảo kịp thời xử lý thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

**3. Về nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:**

Ban hành Nghị quyết quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh về phạm vi đối tượng; mức thu; thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí, cụ thể:

***3.1. Phí Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:***

*a) Phạm vi và đối tượng áp dụng*

- Phạm vi: Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của UBND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân làm chủ dự án hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường khi lập dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định thì phải nộp phí thẩm định.

*b) Mức thu*

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng mức đầu tư (tỷ VNĐ)** | **<45** | **≥ 45 và <60** | **≥60 và <80** | **≥80 và < 120** | **≥120 và <800** | **≥800 và <1.000** | **≥1.000 và <1.500** | **≥1.500 và từ 2.300 trở lên** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| *Báo cáo đánh giá tác động môi trường* | 7,8 | 8,6 | 10,5 | 11,6 | 12,7 | 13,8 | 14,9 | 16 |

- Trường hợp thẩm định lại phương án (đối với báo cáo ĐTM không được hội đồng thẩm định thông qua lần đầu); Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định báo cáo lần đầu.

*c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí*

- Đơn vị thu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

- Nộp, quản lý và sử dụng tiền phí:Đơn vị thu phí nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

***3.2. Phí Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường***

*a) Phạm vi và đối tượng áp dụng*

- Phạm vi: Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của UBND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân là chủ phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc đối tượng quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể:

+ Cơ sở khai thác khoáng sản hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành nhưng chưa có phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc có thay đổi nội dung cải tạo, phục hồi môi trường so với phương án đã được phê duyệt;

+ Cơ sở khai thác khoáng sản hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành đã được phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường nhưng kinh phí không đủ để thực hiện theo quy định của pháp luật.

*b) Mức thu:*

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng mức đầu tư**  **(tỷ VNĐ)** | **<45** | **≥ 45 và <60** | **≥60 và <80** | **≥80 và < 120** | **≥120 và <800** | **≥800 và <1.000** | **≥1.000 và <1.500** | **≥1.500 và từ 2.300 trở lên** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| Phương án, cải tạo phục hồi môi trường | 7,8 | 8,6 | 10,5 | 11,6 | 12,7 | 13,8 | 14,9 | 16 |

- Trường hợp thẩm định lại phương án (đối với phương án không được hội đồng thẩm định thông qua lần đầu); Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định phương án lần đầu.

*c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí*

- Đơn vị thu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

- Nộp, quản lý và sử dụng tiền phí: Đơn vị thu phí nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

***3.3.******Phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp tỉnh/huyện:***

***3.3.1. Phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp tỉnh:***

*a) Phạm vi và đối tượng áp dụng*

- Phạm vi: Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp tỉnh.

- Đối tượng: Các tổ chức, cá nhân làm chủ dự án hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường thuộc đối tượng phải thực hiện giấy phép môi trường cấp tỉnh và trình cấp có thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

*b) Mức thu:*

**A. Phương án 1:** Thu phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp tỉnh **trong trường hợp phí bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải** để đánh giá hiệu quả các công trình xử lý chất thải trước khi cấp phép.

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy** **phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *20,1* | *4,3* |
| Cấp đổi giấy phép môi trường | Không thu phí | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *20,1* | |
| Cấp lại giấy phép môi trường | *20,1* | |

*\* Ghi chú: Mức thu cấp điều chỉnh giấy phép môi trường và cấp lại giấy phép môi trường bằng với mức thu cấp mới giấy phép môi trường do quy trình thực hiện các bước công việc như nhau.*

**B. Phương án 2:** Thu phí cấp giấy phép môi trường cấp tỉnh trong trường hợp phí **không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải. Chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được giao hàng năm.**

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy** **phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *3,1* | *4,3* |
| Cấp đổi giấy phép môi trường | Không thu phí | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *3,1* | |
| Cấp lại Giấy phép môi trường | *3,1* | |

*(Sau khi thống nhất Phương án, sẽ điều chỉnh chọn 01 Phương án đưa vào Nghị Quyết này)*

*c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí*

- Đơn vị thu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

- Nộp, quản lý và sử dụng tiền phí: Đơn vị thu phí nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

***3.3.2. Phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp huyện***

*a) Phạm vi và đối tượng áp dụng*

- Phạm vi: Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Đối tượng: Các tổ chức, cá nhân làm chủ dự án hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường thuộc đối tượng phải thực hiện giấy phép môi trường cấp huyện và trình cấp có thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

*b) Mức thu*

**A. Phương án 1:** Thu phí thẩm định cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường cấp huyện **trong trường hợp phí bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải** để đánh giá hiệu quả các công trình xử lý chất thải trước khi cấp phép.

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *19,3* | *2,7* |
| Cấp đổi giấy phép môi trường | Không thu phí | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *19,3* | |
| Cấp lại giấy phép môi trường | *19,3* | |

*\* Ghi chú: Mức thu cấp điều chỉnh giấy phép môi trường và cấp lại giấy phép môi trường bằng với mức thu cấp mới giấy phép môi trường do quy trình thực hiện các bước công việc như nhau.*

**B. Phương án 2:** Thu phí cấp giấy phép môi trường cấp huyện trong trường hợp phí **không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải. Chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải, khí thải được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được giao hàng năm.**

*ĐVT: Triệu đồng/hồ sơ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại giấy** **phép môi trường** | **Mức thu** | |
| Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM/Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường | Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường *(Thành lập Hội đồng thẩm định)* |
| Cấp giấy phép môi trường | *2* | *2,7* |
| Cấp đổi giấy phép môi trường | Không thu phí | |
| Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | *2* | |
| Cấp lại giấy phép môi trường | *2* | |

*(Sau khi thống nhất Phương án, sẽ điều chỉnh chọn 01 Phương án đưa vào Nghị Quyết này)*

*c) Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí*

- Đơn vị thu: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

- Nộp, quản lý và sử dụng tiền phí:Đơn vị thu phí nộp 100% số tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**\* Hồ sơ trình HĐND tỉnh gồm**

- Dự thảo Nghị quyết.

- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

- Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến đóng góp của các Sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐND tỉnh (để trình);  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Sở TN&MT;  - LĐ VP UBND tỉnh;  - Lưu: VT, NN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |